

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 206/TTr-SKHCN ngày 08 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2021.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 14, Điều 17 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2018/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thừa Thiên Huế.



Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: CT, các PCT;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCV;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025**

(Kèm theo Quyết định số 07/2021/QĐ-UBND

ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, thực hiện các hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được hỗ trợ quy định tại Mục II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng, phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc áp dụng

a) Ngoài các nội dung, mức chi quy định tại Quy định này, các nội dung hỗ trợ khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và các văn bản khác của Trung ương, tỉnh quy định.

b) Trong cùng một thời điểm, nếu có nhiều chính sách quy định cùng một nội dung hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, thì áp dụng mức hỗ trợ cao nhất.

c) Trong trường hợp một tổ chức, doanh nghiệp, nhóm cá nhân, cá nhân thực hiện nhiều nội dung chi khác nhau thì được áp dụng các chế độ hỗ trợ theo từng nội dung chi (nếu đảm bảo các điều kiện).

2. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ trước đầu tư các nội dung quy định tại Quy định này (trừ các nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều này).

b) Hỗ trợ sau đầu tư các nội dung quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 5 của Quy định này. Khoản 1 Điều 7, khoản 1 Điều 8 của Thông tư số 45/2019/TT-BTC

ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện.

2. Nguồn vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh để tài trợ, hỗ trợ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

Chương II

NỘI DUNG, MỨC CHI; HẬU KIỂM VÀ THU HỒI HỖ TRỢ

Điều 5. Nội dung và mức chi

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 (sau đây gọi là Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND).

2. Đối với các nội dung không quy định tại Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND thì thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và các văn bản pháp luật của tỉnh có liên quan.

Điều 6. Hỗ trợ văn phòng làm việc cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo

1. Khu làm việc chung hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo là cơ sở phải đảm bảo các điều kiện theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được quy định tại Thông tư số 07/2020/TT-BKHCN ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn việc thành lập cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo.

2. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, tổ chức, nhóm cá nhân, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ chi phí thuê văn phòng làm việc tại các Khu làm việc chung trên địa bàn tỉnh nếu đáp ứng một trong các tiêu chí sau về đổi mới sáng tạo:

a) Có dự án/ý tưởng khởi nghiệp được chọn vào vòng chung kết của các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức trên địa bàn tỉnh (kể cả các cuộc thi từ các vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp);

b) Có dự án/ý tưởng khởi nghiệp đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo tại các

cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa (có hợp đồng ươm tạo hoặc Giấy tờ chứng nhận đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo);

c) Có dự án/y tưởng khởi nghiệp được các thành viên tại cuộc họp thẩm định liên ngành do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở chuyên ngành liên quan thông qua;

d) Có sản phẩm đã đăng ký bảo hộ với các hình thức: bằng sáng chế (độc quyền sáng chế hoặc độc quyền giải pháp hữu ích); kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí và được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận đơn hợp lệ hoặc được cấp văn bằng;

đ) Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

Điều 7. Hậu kiểm và thu hồi hỗ trợ

1. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các dự án, nội dung được hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các trường hợp sai phạm, các vấn đề vướng mắc liên quan.

2. Các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có hành vi gian dối để được hưởng hỗ trợ ưu đãi theo Quy định thì phải hoàn trả toàn bộ kinh phí đã được cấp, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Hàng năm, căn cứ vào dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với Sở Tài chính phân bổ dự toán kinh phí cho các nội dung nhiệm vụ phát sinh trong năm.

b) Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ; thẩm định hồ sơ; lưu giữ hồ sơ, chứng từ; chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước theo quy định hiện hành; Thực hiện kiểm tra, nghiệm thu nội dung liên quan và hỗ trợ kinh phí theo quy định.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu trên các phương tiện thông tin đại chúng về quy định một số nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

d) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, báo cáo kết quả và thực hiện thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Thành lập Hội đồng tư vấn xác định nội dung, kinh phí hỗ trợ theo quy định và phê duyệt kinh phí hỗ trợ.



e) Đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 Quy định này, giao Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn xác định nội dung, kinh phí hỗ trợ và phê duyệt hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

b) Cử thành viên tham gia Hội đồng.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn kinh phí đối với nội dung phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”.

b) Cung cấp thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh để phục vụ triển khai các hoạt động hỗ trợ.

c) Cử thành viên tham gia Hội đồng.

4. Các sở, ban, ngành liên quan

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến và triển khai Quy định đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Cử thành viên tham gia khảo sát và tham gia Hội đồng (nếu có).

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã thành phố Huế

a) Tuyên truyền, phổ biến và tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia các hoạt động hỗ trợ theo Quy định; gắn kết các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương với các nội dung của Quy định.

b) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn quản lý, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp; hỗ trợ cung cấp những thông tin cần thiết có liên quan phục vụ cho việc triển khai Quy định.

6. Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh tổ chức thông tin tuyên truyền về Quy định.

7. Các Hội, Hiệp hội, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp, các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức khác có liên quan trên địa bàn tỉnh:

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến và triển khai Quy định tới các tổ chức, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

b) Tổng hợp nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp; hỗ trợ cung cấp những thông tin cần thiết có liên quan phục vụ cho việc triển khai Quy định.

c) Cử thành viên tham gia Hội đồng (nếu có).

8. Các đối tượng được hỗ trợ

a) Tham gia và thực hiện đúng các nội dung đề nghị hỗ trợ; sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích; thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng hỗ trợ đã ký kết. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, các chính sách đối với người lao động.

b) Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện và những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

c) Tuân thủ chặt chẽ quy trình hỗ trợ, triển khai nội dung hỗ trợ, nhận và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

1. Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Ngọc Thọ

